

| | | | |
|------------|-----------|---------|---------|
| Ngày | 9,750 VNĐ | | |
| 31/03/2024 | | | |
| Thay đổi | 1 tháng | 3 tháng | 6 tháng |
| | 4.8% | 17.5% | 16.3% |

| | |
|-----------------------|----------------|
| Sàn giao dịch | HSX |
| Khoảng giá 52 tuần | 6,510 - 10,200 |
| Vốn hóa (tỷ VNĐ) | 198 |
| Số lượng CPLH (CP) | 20,352,836 |
| KLGD BQ 20 phiên (CP) | 3,595 |
| Sở hữu nước ngoài | 0.1% |
| Beta | 0.32 |
| EPS | 232 |
| P/E | 42.0 |

DT thuần

Q1/24

4.40

tỷ VNĐ

QoQ: ▼21.9| -83.3%

YoY: ▼1.03| -19.1%

LN trước thuế

Q1/24

-8.20

tỷ VNĐ

QoQ: ▼22.1| -159%

YoY: ▼3.00| -57.7%

LN sau thuế

Q1/24

-8.20

tỷ VNĐ

QoQ: ▼18.3| -181%

YoY: ▼3.00| -57.7%

ROA

2023

2.8%

+/- YoY: ▼ 4.5%

DT thuần

2023

76.3

tỷ VNĐ

YoY: ▼8.50| -10.0%

LN trước thuế

2023

15.9

tỷ VNĐ

YoY: ▼16.7| -51.2%

LN sau thuế

2023

12.0

tỷ VNĐ

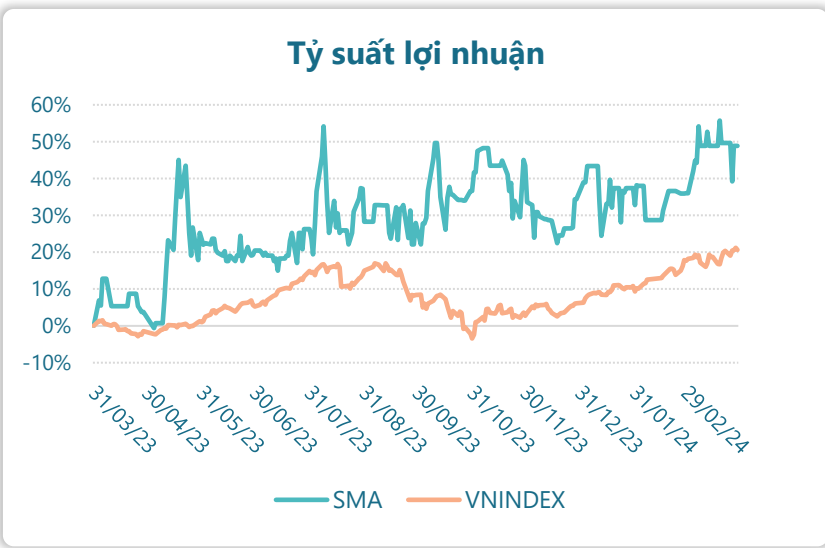
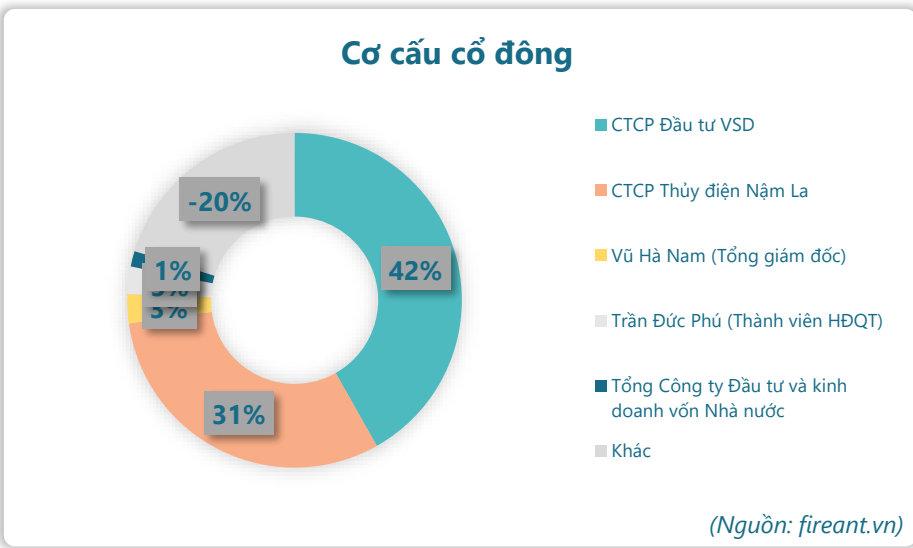
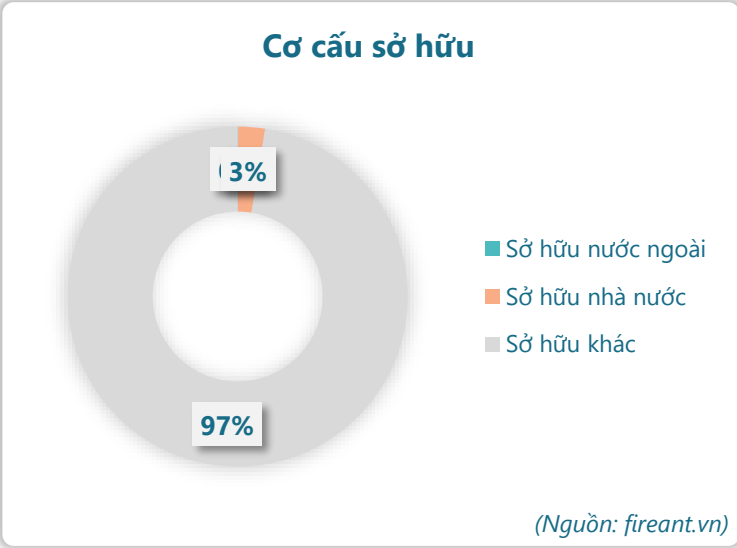
YoY: ▼17.4| -59.4%

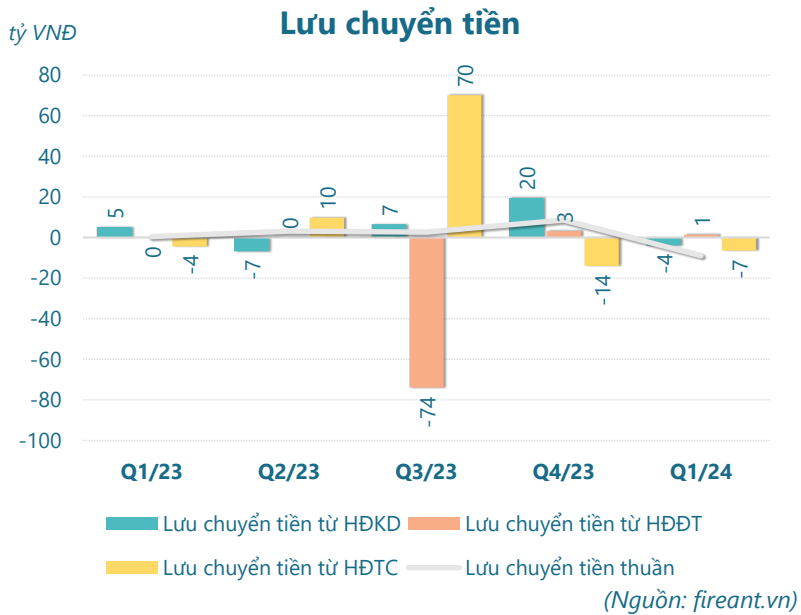
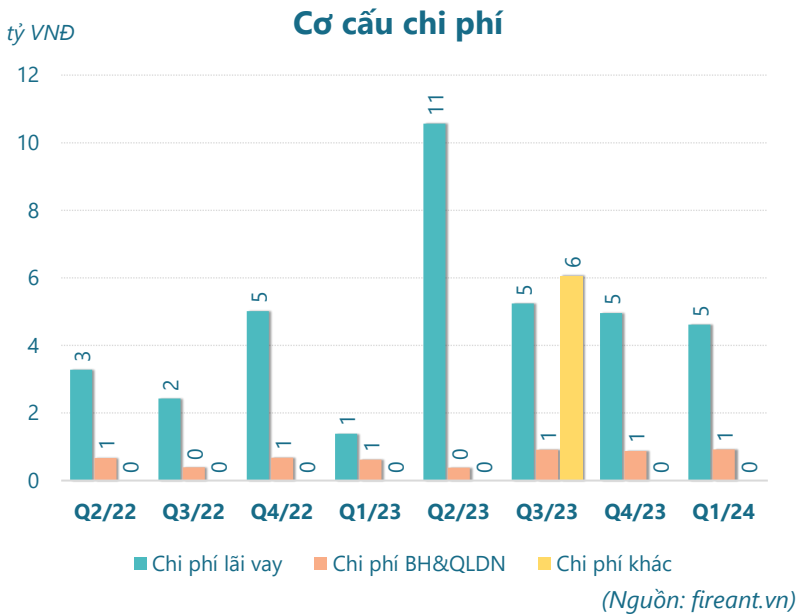
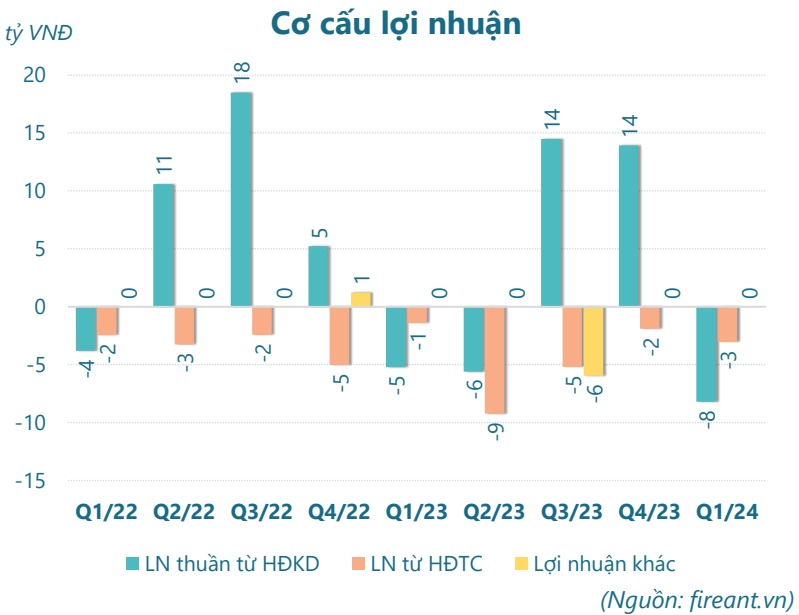
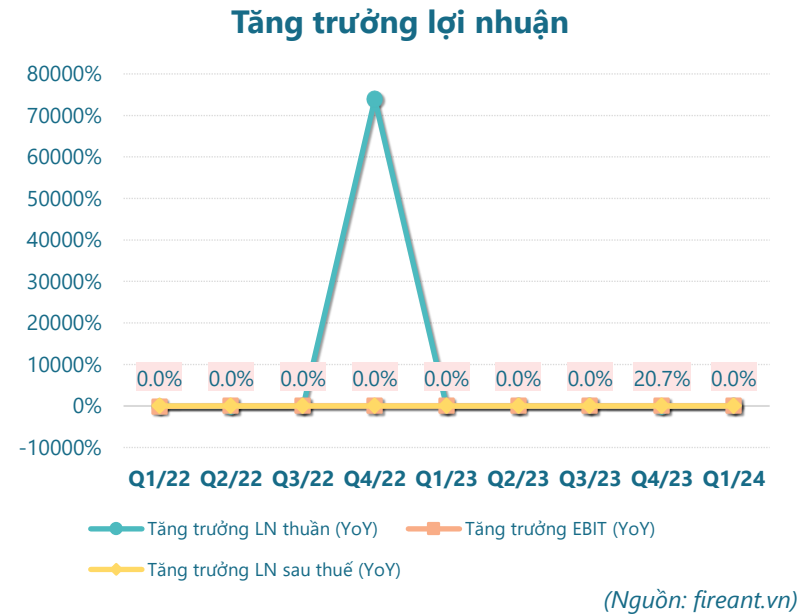
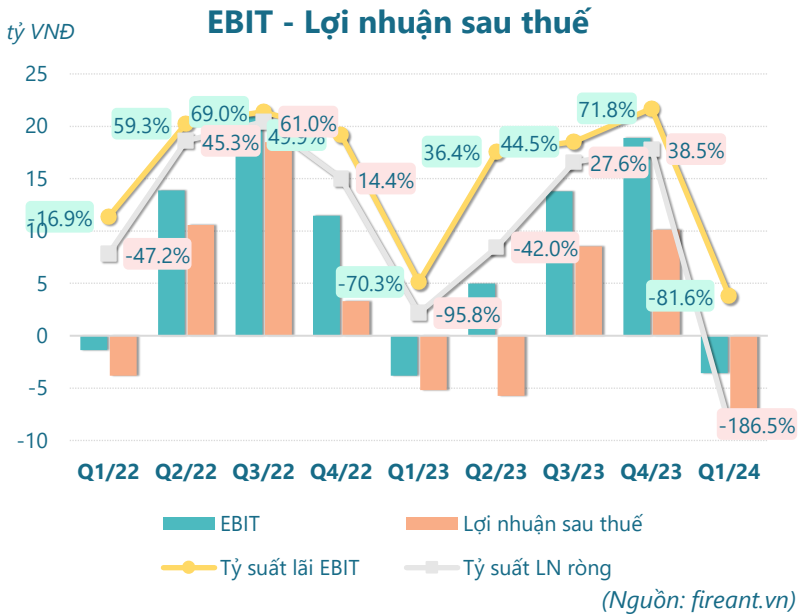
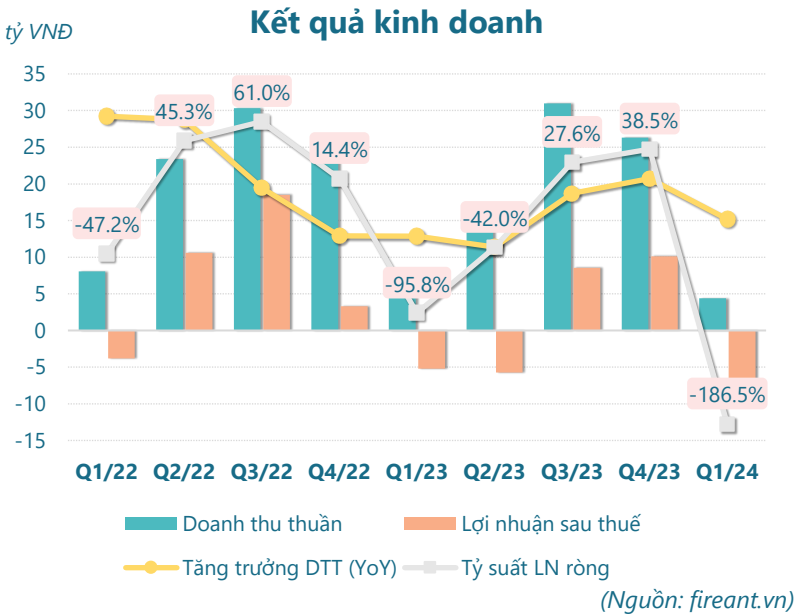
ROE

2023

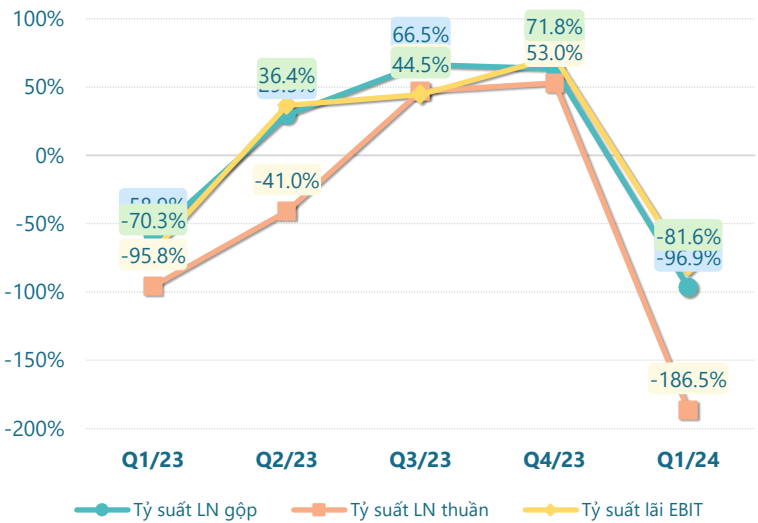
5.2%

+/- YoY: ▼ 8.5%



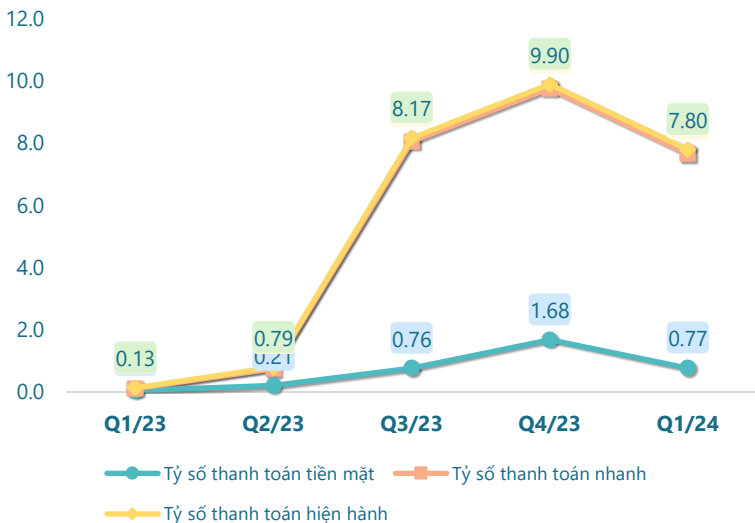


Tỷ suất lợi nhuận



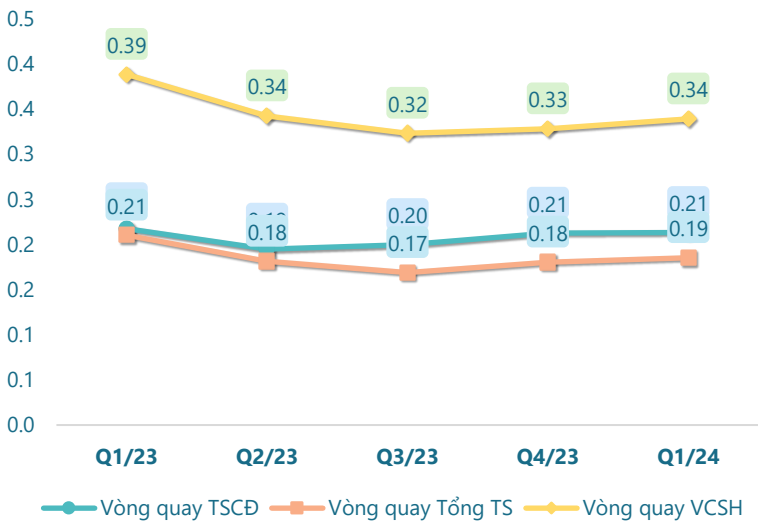
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



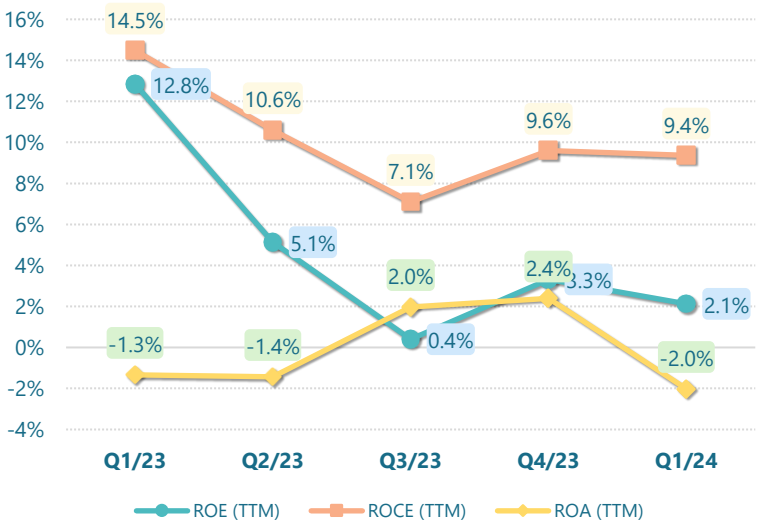
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



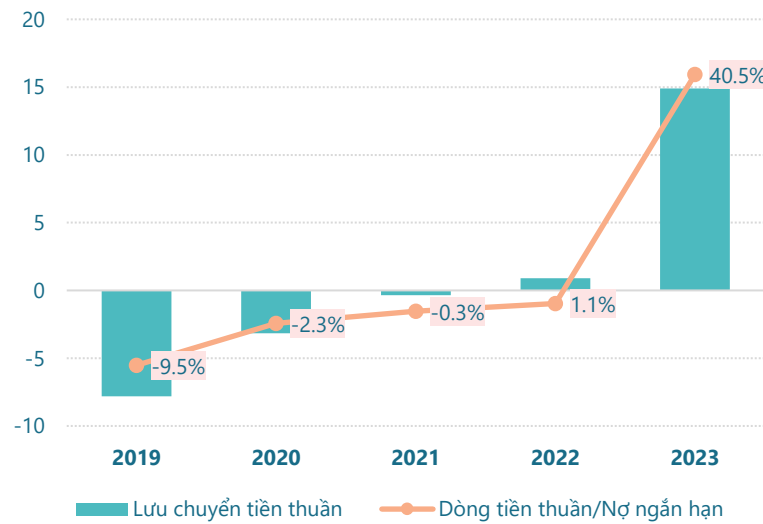
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



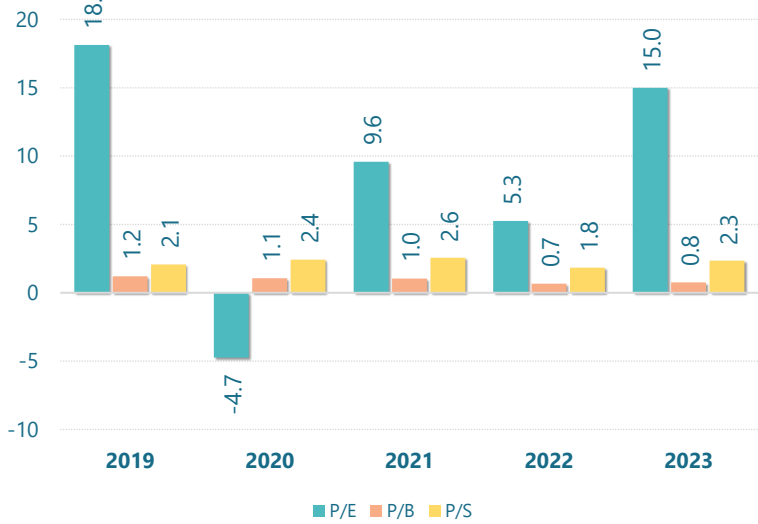
(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

Nhóm chỉ số định giá



(Nguồn: fireant.vn)